

Hệ thống bài tập phát triển năng lực chính tả cho học sinh lớp 3

Võ Đức Quyên*, Nguyễn Trọng Hiếu**

*HVCH Khoa Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp

**TS. Trường Đại học Đồng Tháp

Received: 12/7/2024; Accepted: 18/7/2024; Published: 25/7/2024

Abstract: Practicing spelling rules will form students' ability to write correctly. Building a system of spelling exercises for students to practice is one of the most important measures to help students remember correct spellings, perfect and develop their spelling skills. Within the scope of this article, we build a system of exercises based on the levels: know, understand, apply, and apply highly. Through practice, with a system of exercises and through exercises, it is possible to consolidate and form solid spelling skills for students.

Keywords: Spelling, exercise system, elementary school students, grade 3.

1. Đặt vấn đề

Ở tiểu học, chính tả đặc biệt quan trọng nhằm thực hiện mục tiêu của môn học Tiếng Việt là rèn luyện kỹ năng viết chính tả và kỹ năng nghe cho học sinh (HS). Chính tả được hiểu là hệ thống quy tắc về cách viết thống nhất cho các từ của một ngôn ngữ. Việc rèn luyện các quy tắc chính tả sẽ hình thành năng lực viết đúng của HS. Khi HS đã viết đúng, viết chính xác thì mới có điều kiện học tốt các môn học khác và trên cơ sở đó, các em rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt có hiệu quả.

Tuy nhiên, trong thực tế hiện nay, thói quen và năng lực viết đúng chính tả của HS tiểu học chưa tốt. Do đó, việc dạy học chữa lỗi chính tả cho HS tiểu học là rất cần thiết. Thực trạng giáo viên (GV) dạy chính tả cho HS chỉ dừng lại ở mức độ truyền đạt hết nội dung lí thuyết trong SGK mà chưa chú ý nhiều đến thực hành, luyện tập, chưa chú ý đến đặc điểm ngôn ngữ vùng miền, đa số GV chỉ tập trung sửa những lỗi chính tả phổ biến, mang tính toàn dân hơn là những lỗi mang tính địa phương, khu vực. Vì vậy, xây dựng hệ thống bài tập chính tả để HS thực hành là một trong những biện pháp quan trọng nhất giúp HS ghi nhớ các trường hợp viết đúng, hoàn thiện và phát triển kỹ năng viết chính tả của mình.

2. Nội dung nghiên cứu

Khi xây dựng hệ thống bài tập phải thể hiện được tính khu vực, phải tập trung vào được vấn đề mình cần luyện cho HS và tùy vào năng lực của từng HS để có thể phát huy. Xây dựng hệ thống bài tập dựa trên các cấp độ: biết, hiểu, vận dụng, vận dụng cao (bao gồm trong đó cả những cấp độ của thang nhận thức:

phân tích, tổng hợp, đánh giá). Do vậy, hệ thống bài tập mà chúng tôi xây dựng chủ trọng vào các dạng bài tập âm – vần điển hình như sau:

- Phân biệt các tiếng có âm đầu dễ nhầm lẫn:

s/x; tr/ch; r/d/gi; v/d/gi...

- Phân biệt các vần: *iu/uu; uôt/uóc; ut/urc; ên/uênh; iêu/yêu; ân/âng...*

- Phân biệt thanh: thanh hỏi/thanh ngã.

Các quy tắc viết hoa:

- Quy tắc đánh dấu thanh.

- Ôn tập quy tắc viết chính tả.

Các loại bài tập trên được thể hiện dưới những dạng sau:

2.1. Bài tập lựa chọn đúng, sai (mức độ biết)

Dạng bài tập này đòi hỏi HS phải suy nghĩ để chọn ra kết quả đúng (hoặc kết quả sai) mà nội dung bài tập đã cung cấp với các phương án nhiều nhất định.

Bên cạnh đó kiểu bài tập còn đòi hỏi HS phải nắm được nghĩa của từ đồng thời phải tạo được mối liên hệ giữa nghĩa của từ. HS chọn lựa bằng cách khoanh tròn hoặc điền Đ/S (đúng/ sai) vào trước đáp án đúng.

Ví dụ 1: Khoanh tròn vào từ ngữ viết đúng chính tả

A. khng khiu

B. miu trí

C. liu giữ

D. hoa liu

Gợi ý đáp án: Chọn câu A

Ví dụ 2: Khoanh tròn vào từ ngữ chưa đúng chính tả:

- A. phân khởi
 B. vâng lời
 C. chuyên cần
 D. múa lặng

Gợi ý đáp án: Chọn câu D

Ví dụ 3: Đúng ghi Đ, Sai ghi S vào mỗi từ sau:

- a. Yêu mến
 b. Kì dị
 c. Điêu khắc
 d. Biểu diễn
- Gợi ý đáp án: a. Yêu mến Đ
 b. Kì dị S
 c. Điêu khắc S
 d. Biểu diễn Đ

Sau khi cho HS làm bài tập, cần cho các em luyện đọc. Như vậy HS vừa nhận diện được chữ sai, vừa luyện được phát âm chuẩn từ đó ghi nhớ luôn cách viết đúng. Khi cho HS luyện tập chúng tôi cũng tổ chức theo nhiều hình thức khác nhau để cho các em có thể tự phát huy được thế mạnh của cá nhân.

2.2. Bài tập nối cặp đôi từ ngữ (mức độ hiểu)

Ở dạng bài tập này yêu cầu HS phải hiểu đúng nghĩa của những từ ngữ, câu tục ngữ thành ngữ được sử dụng làm ngữ liệu chữa lỗi thì mới tìm ra lời giải đúng.

Ví dụ: Nối các tiếng ở cột A với các tiếng ở cột B để tạo thành từ ngữ đúng:

A	B
yêu	sông
non	vệ
bảo	quý
giang	gìn
giữ	son

Gợi ý đáp án: yêu quý, non sông, bảo vệ, giang sơn, giữ gìn.

2.3. Điền âm, vần, các tiếng có âm đầu dễ lẫn, tìm tiếng trong ngoặc đơn thích hợp (mức độ vận dụng)

Đối với các dạng bài tập này, chủ yếu là để cho HS khắc phục các lỗi chính tả phương ngữ Nam Bộ. Khi đưa ra các dạng bài tập, HS có thể tự năng lực của mình để hoàn thành bài, sau đó GV sẽ sửa và giúp các em ghi nhớ. HS có thể thực hiện theo nhóm hoặc cá nhân.

Ví dụ 1: Chọn chữ *ch* hoặc chữ *tr* thích hợp với mỗi ...:

- Nắng ...ua giữa lớp ...òi xanh
 ...im non học chữ ...ên cảnh líu lo
 Lúc kể ...uyện, lúc ngâm thơ
 ...ong veo đôi mắt nhìn tờ lá non.

Theo Trần Quốc Toàn

Gợi ý đáp án:

- Nắng trua giữa lớp trời xanh
Chim non học chữ trên cảnh líu lo
 Lúc kể chuyện, lúc ngâm thơ
Trong veo đôi mắt nhìn tờ lá non.

Theo Trần Quốc Toàn

Ví dụ 2: Chọn tiếng trong ngoặc phù hợp với mỗi

...

Mùa mưa, cỏ xanh ngút cả tầm (mặc, mắt)..... Hoa dã quỳ, hoa ngũ (sắc, sất)....., cỏ hồng, cỏ đuôi chòn đưa nhau khoe (sắc, sất)..... Núi rừng như (mặc, mặt)..... áo mới đủ màu: xanh (ngắc, ngát)....., xanh nồn, nâu hồng, vàng thắm, đỏ rục,...

Theo Khuê Minh

Gợi ý đáp án: *Mùa mưa, cỏ xanh ngút cả tầm mắt. Hoa dã quỳ, hoa ngũ sắc, cỏ hồng, cỏ đuôi chòn đưa nhau khoe sắc. Núi rừng như mặc áo mới đủ màu: xanh ngát, xanh nồn, nâu hồng, vàng thắm, đỏ rục,...*

Theo Khuê Minh

Ví dụ 3: Tìm từ ngữ chứa tiếng:

- a) Có chữ *l* hoặc chữ *n*, có nghĩa:
 + Tên nói nhạc đứng sau nốt son:
 + Trái ngược với *đôi*:
 + Đồ dùng để đội đầu, làm bằng lá, có hình vòng tròn nhỏ dần:

- b) Có vần *uc* hoặc vần *ut*, có nghĩa:
 + Món ăn làm bằng củ, quả rim đường:

- + Rời ra từng khúc, đoạn:

- + Trái ngược với *ngủ*:

Gợi ý đáp án:

- a) Có chữ *l* hoặc chữ *n*, có nghĩa:

- + Tên nói nhạc đứng sau nốt son: *la*

- + Trái ngược với *đôi*: *no*

+ Đồ dùng để đội đầu, làm bằng lá, có hình vòng tròn nhỏ dần: *nón*

- b) Có vần *uc* hoặc vần *ut*, có nghĩa:

- + Món ăn làm bằng củ, quả rim đường: *mứt*

- + Rời ra từng khúc, đoạn: *đứt*

- + Trái ngược với *ngủ*: *thức*

Ví dụ 4: Chọn dấu hỏi hoặc dấu ngã thích hợp với những chỗ in đậm

Gi[?]ữa mùa mưa, những bai rom đã nga màu của đất. Ra hoà trộn vào bùn nhau nuôi đương những mầm lúa xanh mướt. Bầy gà tìm giun đất, bới đống rom uớt vung vai ra sân. Những cái nắm trên màng rom mục đã gương chiếu dù nhỏ xiu, thấp tè.

Theo Nguyễn Ngọc Tư

Gợi ý đáp án: Giữa mùa mưa, những bãi rom đã ngả màu của đất. Ra hoà trộn vào bùn nhão nuôi dưỡng những mầm lúa xanh mướt. Bầy gà tìm giun đất, bới đồng rom ướt vung vãi ra sân. Những cái nắm trên mảng rom mục đã giương chiếc dù nhỏ xíu, thấp tè.

Theo Nguyễn Ngọc Tư

2.4. Giải câu đố (mức độ vận dụng cao)

Nội dung các câu đố phải phù hợp với HS và kích thích được tính tò mò của trẻ. Từ nội dung có sẵn trong bài chính tả, GV có thể thay đổi yêu cầu cho hợp với mục đích luyện tập. Có thể kích thích được năng lực cho HS trong quá trình giải, sự tư duy logic trong lời giải.

Ví dụ: Chọn những tiếng trong ngoặc đơn thích hợp với mỗi chỗ trống..., rồi giải câu đố.

Đầu đuôi vuông vắn như nhau

(Thân/Thân) chia nhiều đốt rất mau, rất đều

Tính tình chân (thực/thực), đáng yêu

Muốn đo chính (xác/xác)... tôi đều giúp (ngay/ngây)....

(Là cái gì?)

Gợi ý đáp án: Là cây thước

Đầu đuôi vuông vắn như nhau

Thân chia nhiều đốt rất mau, rất đều

Tính tình chân thực, đáng yêu

Muốn đo chính xác tôi đều giúp ngay.

2.5. Bài tập giải ô chữ để tìm từ có hình thức chính tả duy nhất (mức độ vận dụng cao)

Ở dạng bài tập này đòi hỏi HS phải nhanh trí, tư duy để tìm được đáp án ô chữ hàng ngang từ đó tìm ra ô chữ hàng dọc.

Ở dạng bài tập này đòi hỏi HS phải nhanh trí, tư duy để tìm được đáp án ô chữ hàng ngang từ đó tìm ra ô chữ hàng dọc.

Ví dụ: Giải ô chữ sau:

a. Trả lời các câu hỏi sau để giải những ô chữ hàng ngang:

1. Hoạt động dùng chân điều khiển bóng
2. Cuộc vui tổ chức chung cho nhiều người tham dự theo phong tục hoặc nhân dịp nào đó
3. Người diễn viên hài, làm vui cho khán giả.
4. Làm những động tác, mềm mại, nhịp nhàng liên tiếp.
5. Đập hai lòng bàn tay vào nhau cho phát ra thành tiếng
6. Mùa trước mùa đông, sau mùa hè.
7. Có nghĩa trái ngược lại với khóc.

b. Viết lại từ tạo ở hàng dọc:....

1	Đ	A	B	Ó	N	G					
2			H	Ô	I						
3	C	H	Ứ	H	Ề						
4					M	Ứ	A				
5					V	Ổ	T	A	Y		
6			T	H	U						
7		C	Ư	Ồ	I						

Gợi ý đáp án: Hàng ngang

1. Đá bóng
2. Hội
3. Chú hề
4. Múa
5. Võ tay
6. Thu
7. Cười

Hàng dọc: Niềm vui

3. Kết luận

Bài tập chính tả là một hình thức đưa HS vào hoạt động thực hành nhằm mục đích giúp cho HS có ý thức khi viết chính tả. Muốn đạt hiệu quả cao thì GV phải đa dạng hóa các dạng bài tập thường xuyên, chú trọng yếu tố khắc phục lỗi sai phổ biến về chính tả. Đối với các dạng bài tập chính tả bắt buộc thì GV cần cho tất cả HS thực hiện. Riêng bài tập lựa chọn, GV cần căn cứ vào đặc điểm chính tả của HS lớp mình, các nhóm HS có năng lực khác nhau để xây dựng hệ thống bài tập từ dễ đến khó sao cho phù hợp.

Chính tả ở tiểu học nghiêng về thực hành. Khác với các môn học khác, sau khi học lí thuyết, HS sẽ vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các bài tập thực hành nhằm hình thành kĩ năng, chính tả không có giờ học lí thuyết mà chỉ có giờ thực hành. Mục đích của thực hành là thông qua việc luyện tập HS rút ra các quy tắc (mang tính lí thuyết) và củng cố, khắc sâu kiến thức, kĩ năng chính tả. Chỉ có thực hành, bằng hệ thống bài tập và thông qua bài tập mới có thể củng cố và hình thành các kĩ năng chính tả vững chắc cho HS.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Hoàng Văn Thung, Đỗ Xuân Thảo (2000). *Dạy học chính tả ở tiểu học*. NXB Giáo dục,
- [2]. Hoàng Phê (2005). *Từ điển chính tả*. Trung tâm từ điển học, Hà Nội.
- [3]. Lê Phương Nga (2009). *Bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng Việt ở tiểu học*. NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
- [4]. Lê A (chủ biên) (2011). *Chữ viết và dạy chữ viết ở Tiểu học*. NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.